| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**Thành phố Thái Nguyên** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *Số: 170 /2019/QĐST - HNGĐ* | *Thái Nguyên, ngày 09 tháng 4 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 181/2019/TLST - HNGĐ ngày 13/3/2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Bích T, sinh năm 1988;

Địa chỉ:Tổ Y, phường T, thành phố TN.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ Y, phường T, thành phố TN.

Căn cứ vào các Điều 146, 147 Điều 212, 213, 483 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01/4/2019.

## XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01/4/2019 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T đó.

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Bích T và anh Nguyễn Văn Đ.**

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đỗ Bích T và anh Nguyễn Văn Đ đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí T tình ly hôn để giải phóng cho nhau.

**2.2. Về Con chung:** Chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung 02 con chung là Nguyễn Thị Hiền T, sinh ngày 08/11/2009 và Nguyễn Hương G, sinh ngày 17/11/2013 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Đ nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hương G là 2.000.000đ (hai triệu đồng) / tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về lãi chậm trả: Chị T anh Đ thỏa T tính lãi theo khoản 2 Điều 357 khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

**2.3. Về tài sản chung, nợ chung**: Xin tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.4. Về án phí:** Chị T tự nguyên nộp 150.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007406 ngày 13/03/2019 tại Chi cục Thi hành án thành phố Thái Nguyên.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Tr□ờng hợp bản án, quyết định đ□ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án. /.

**NƠI NHẬN**
***- VKSND TPTN***
***- Chi cục THATPTN***
***- TAND tỉnh TN***
***- Đương sự***
***- UBND phường Trung Thành, TP TN.***
***- Lưu HS; BP.***

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Thu Hà**